

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V L, xã C P, huyện C P, tỉnh ag.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Bảo X, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp K B, xã K H, huyện Châu Phú, tỉnh AG.

(Anh B có mặt, chị X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Văn B trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị Bảo X tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế khó khăn, nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 8 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh B yêu cầu ly hôn với chị X.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Dương Thị Bảo N, sinh ngày 12/03/2001 đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu

Dương B Trị, sinh ngày 25/9/2003 hiện đang sống với chị X. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Trị cho chị X nuôi dạy, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị Bảo X vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, đối với bị đơn vắng mặt phiên họp và tại phiên tòa không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử là quá thời hạn so với quy định là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung tên Dương B Trị giao cho chị X tiếp tục nuôi dạy, về cấp dưỡng do chị X không có ý kiến và yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể anh B yêu cầu xin ly hôn với chị X và tranh chấp về nuôi con chung. Về phần tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên anh B làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định, tuy nhiên do chị X cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa anh Dương Văn B và chị Huỳnh Thị Bảo X được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, anh B xin ly hôn, chị X vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh B và chị X thực sự đã đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện

qua việc vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị X tham gia phiên hòa giải đề vợ chồng hàn gắn, nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện chị X không muốn đoàn tụ gia đình, do vậy việc anh B xin ly hôn với chị X là có cơ sở, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Đối với con chung tên Dương Thị Bảo N, sinh ngày 12/03/2001 đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét, giải quyết. Riêng cháu Dương B Trị, sinh ngày 25/9/2003 hiện đang sống với chị X, khi ly hôn anh B cũng đồng ý giao cháu Trị cho chị X nuôi dạy, do vậy Hội đồng xét xử xét giao cháu Trị cho chị X tiếp tục nuôi dạy là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị X không có ý kiến và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí anh B phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010386 ngày 11/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, anh B đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 335 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Văn B đối với chị Huỳnh Thị Bảo X.

- Về con chung: Đối với con chung tên Dương Thị Bảo N, sinh ngày 12/03/2001 đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét, giải quyết. Còn cháu Dương B Trị, sinh ngày 25/9/2003 giao cho chị X được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010386 ngày 11/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, anh B đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu